TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/LĐ-ST
Ngày: 04-6-2019
V/v tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Văn Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng - Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Giáo viên hưu trí.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 02/2019/TLST-LĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông V, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 17, ấp Hòa, xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông A, sinh năm 1992; thường trú: Thôn D, xã K, huyện S, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Tổ 3, Khu phố 8, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 11/01/2019); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty VK; địa chỉ: Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 51, Khu phố 3, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ou, Jen-Wei; chức danh: Tổng Giám đốc công ty.

Người đại diện hợp pháp: Bà B, sinh năm 1990; thường trú: Thôn 6, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: Hẻm 669, đường H, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chức vụ: Kế toán trưởng Công ty VK (Giấy ủy quyền ngày 14/3/2019); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông V trình bày:

Ông V được Công ty VK nhận vào làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 30/11/2018 với công việc là công nhân bộ phận tổ ép nóng, mức lương là 4.300.000 đồng mỗi tháng. Ngày 01/01/2018, hai bên ký kết Phụ lục Hợp đồng lao động số 031/TCHC với nội dung tăng mức lương tháng lên 4.930.000 đồng. Ngoài mức lương thỏa thuận này, Công ty còn chi trả các khoản phụ cấp gồm: Phụ cấp sinh hoạt: 1.540.000 đồng, phụ cấp độc hại: 32.000 đồng, tiền ép nóng 70.000 đồng, phụ cấp tiền cơm: 360.000 đồng. Tổng lương và phụ cấp của ông V là 6.932.000 đồng.

Trong quá trình làm việc tại công ty thì ông V luôn chấp hành nội quy lao động của công ty. Tuy nhiên, vào ngày 10/5/2018, Công ty VK ra Quyết định sa thải cho thôi việc số 01/QĐNV có hiệu lực từ ngày 10/5/2018 với lý do cho thôi việc là nghỉ phép nhiều lần, không chấp hành nội quy lao động, không nghe theo lệnh cấp trên.

Nhận thấy Quyết định sa thải cho thôi việc số 01/QĐNV ngày 10/5/2018 của Công ty VK trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Hủy Quyết định sa thải cho thôi việc số 01/QĐNV ngày 10/5/2018 đối với ông V;

- Buộc Công ty VK phải nhận ông V trở lại làm việc theo công việc đã làm trước đây;

- Buộc Công ty VK phải bồi thường các khoản như sau:

+ Thanh toán tiền lương và phụ cấp lương trong những ngày ông V không được làm việc, tính từ ngày 10/5/2018 đến ngày 30/11/2018 là: 46.213.333 đồng.

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương và phụ cấp lương do sa thải trái pháp luật là: 13.864.000 đồng.

+ Thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông V từ ngày10/5/2018 đến ngày 30/11/2018 là: (21,5%/tháng x 4.930.000 đồng) x 7 tháng = 7.419.650 đồng.

Tổng cộng là: 67.496.983 đồng.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn yêu cầu:

- Hủy Quyết định sa thải cho thôi việc số 01/QĐNV ngày 10/5/2018 đối với ông V;

- Do công ty không muốn nhận ông V trở lại làm việc nên không yêu cầu công ty nhận ông V trở lại làm việc nhưng phải bồi thường các khoản như sau:

+ Thanh toán tiền lương và phụ cấp lương trong những ngày không được làm việc, tính từ ngày 13/5/2018 đến ngày 04/6/2019 là: 6.932.000 đồng x 12 tháng + (6.932.000 đồng: 30 ngày) x 22 ngày = 88.036.000 đồng;

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương và phụ cấp lương do sa thải trái pháp luật là: 6.932.000 đồng x 02 tháng = 13.864.000 đồng;

+ Bồi thường 02 tháng lương do không nhận trở lại làm việc là 6.932.000 đồng x 02 tháng = 13.864.000 đồng;

+ Thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp từ ngày13/5/2018 đến ngày 04/6/2019 với số tiền là 13.797.000 đồng;

Tổng cộng là: 129.543.000 đồng.

Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông V được Công ty VK nhận vào làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 30/11/2018 với công việc là công nhân bộ phận tổ ép nóng, mức lương là 4.300.000 đồng mỗi tháng. Ngày 01/01/2018, hai bên ký kết Phụ lục Hợp đồng lao động số 031/TCHC với nội dung tăng mức lương tháng lên 4.930.000 đồng. Ngày 02/5/2018 đến ngày 03/5/2018, ông V nghỉ làm không phép, sau đó mới cung cấp giấy xác nhận bệnh của bệnh viện đề ngày 04/5/2018. Quá trình làm việc tại công ty ông V cũng luôn vi phạm nội quy công ty về thời gian làm việc, kích động và lôi kéo công nhân. Do các thành viên trong tổ sợ ra ngoài bị ông V đánh nên không dám chống lại khi ông V lôi kéo công nhân ra về và không sản xuất hàng hóa dẫn đến hàng không làm được gây thiệt hại cho công ty. Công ty đã ra Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 07-03/2018/QĐKL/VK ngày 07/5/2018 về việc khiển trách đối với ông V và Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 10-03/2018/QĐKL/VK ngày 10/3/2018. Khi giao 02 quyết định này cho ông V thì ông V có nhận quyết định nhưng không chịu ký tên vào quyết định.

Công ty ban hành Quyết định số 05/2018/QĐ-VK ngày 12/5/2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông V. Sau đó, do ông V không chấp nhận lý do chấm dứt hợp đồng lao động nên công ty đã tiếp tục ban hành Quyết định số 01/QĐNV ngày 10/5/2018 về việc sa thải cho thôi việc đối với ông V. Lý do Quyết định số 01/QĐNV ban hành sau nhưng ghi ngày 10/5/2018 là do để chốt hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội đối với ông V. Công ty đã trả lương cho ông V đến ngày 12/5/2018. Khi tiến hành xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải cho thôi việc thì công ty có tiến hành họp Hội đồng kỷ luật nhưng do Công ty chưa thành lập được công đoàn cơ sở nên không có mặt đại diện công đoàn cơ sở và ông V.

Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nhận ông V trở lại làm việc nhưng đồng ý hỗ trợ cho ông V 02 tháng lương với số tiền 9.860.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

- Về nội dung: Ông V và Công ty VK có ký kết Hợp đồng lao động xác định thời hạn một năm từ ngày 01/12/2017 đến ngày 30/11/2018 với mức lương tháng là 4.300.000 đồng. Ngày 01/01/2018 hai bên ký kết phụ lục hợp đồng nâng mức lương lên 4.930.000 đồng. Công ty VK ban hành Quyết định về việc sa thải cho thôi việc số 01/QĐNV ngày 10/5/2018 đối với ông V với lý do ông V nghỉ không phép nhiều lần, không chấp hành nội quy lao động, không nghe theo lệnh cấp trên. Tại phiên toà, đại diện bị đơn thừa nhận trước khi tiến hành xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải cho thôi việc thì công ty có tiến hành họp Hội đồng kỷ luật nhưng khi họp không có mặt đại diện công đoàn cơ sở và ông V. Do đó, việc Công ty VK ra quyết định sa thải cho thôi việc ông V là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp

nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mức lương và phụ cấp lương làm cơ sở tính bồi thường là 4.930.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải đối với bị đơn Công ty VK có trụ sở chính tại: Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 51, Khu phố 3, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Như vậy, theo quy định tại các Điều 32, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

- Về nội dung:

[1]. Về yêu cầu hủy Quyết định sa thải cho thôi việc số 01/QĐNV ngày 10/5/2018 đối với ông V, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Các đương sự đều thừa nhận giữa ông V và Công ty VK ký kết Hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm từ ngày 01-12-2017 đến ngày 30-11-2018 và phụ lục Hợp đồng lao động số 031/TCHC ngày 01/01/2018 về việc thay đổi mức lương từ 4.730.00 đồng lên 4.930.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đại diện bị đơn cho rằng trong quá trình làm việc, ông V thường xuyên vi phạm nội quy lao động của công ty, công ty đã ban hành quyết định khiển trách và cảnh cáo nhưng ông V không khắc phục mà vẫn tiếp tục vi phạm. Trước khi tiến hành xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải cho thôi việc thì công ty có tiến hành họp Hội đồng kỷ luật nhưng khi họp không có mặt đại diện công đoàn cơ sở và ông V. Như vậy, việc xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải của Công ty VK đối với ông V là không đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 123 và Điều 126 Bộ luật lao động và các Điều 12 và Điều 30 của Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động.

[1.3] Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Quyết định sa thải số 01/QĐNV ngày 10/5/2018 của Công ty VK là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu bồi thường của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về mức lương làm căn cứ bồi thường: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cho rằng tổng thu nhập hàng tháng của nguyên đơn là 6.932.000 đồng. Do đó, yêu cầu bị đơn phải bồi thường theo mức lương 6.932.000 đồng. Tuy nhiên, theo phụ lục Hợp đồng lao động đề ngày 01/01/2018 mà nguyên đơn giao nộp và Công văn số 54/CV-BHXH ngày 08/4/2019 của Bảo hiểm xã hội thị xã TU thì mức lương và phụ cấp lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của ông V là 4.930.000 đồng. Theo quy định tại Điều 90 Bộ luật Lao động và Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày

12/01/2015 cũng như Điều 26a của Nghị định số 148/2018 ngày 24/10/2018 thì tiền lương làm căn cứ bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là tiền lương theo hợp đồng lao động tại thời điểm đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, trong trường hợp của ông V mức lương và phụ cấp lương được tính làm căn cứ bồi thường là 4.930.000 đồng.

[2.2] Về số tiền yêu cầu bồi thường:

Theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động khi người sử dụng lao động sa thải trái pháp luật thì phải thanh toán cho người lao động các khoản gồm: Tiền lương và phụ cấp lương trong những ngày người lao động không được làm việc, bồi thường 02 tháng tiền lương do sa thải trái pháp luật. Nếu không muốn nhận người lao động trở lại làm việc và người lao động đồng ý thì người sử dụng lao động còn phải bồi thường ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Do đó, Công ty VK phải bồi thường cho ông V các khoản như sau:

- Tiền lương và phụ cấp lương trong những ngày không được làm việc, kể từ ngày 13/5/2018 đến ngày 04/6/2019 với số tiền 62.775.000 đồng;

- 02 tháng tiền lương do sa thải trái pháp luật với số tiền 9.860.000 đồng;

- 02 tháng tiền lương do không muốn nhận ông V trở lại làm việc với số tiền 9.860.000 đồng;

Tổng cộng là 82.495.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội với số tiền 13.797.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy:

Theo quy định tại Điều 2 và khoản 4 Điều 89 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 12 Luật bảo hiểm y tế; Điều 43 Luật Việc làm và khoản 3 Điều 18 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trực tiếp thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận mà buộc bị đơn phải nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Theo Công văn số 54/CV-BHXH ngày 08/4/2019 của Bảo hiểm xã hội thị xã TU thì: "*Việc đóng BNXH, BHYT, BHTN cho ông V từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 thì Công ty VK có trách nhiệm đóng số tiền BNXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH. Mức truy thu đóng BNXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là 32% (Trong đó, người sử dụng lao động là 21,5% và người lao động là 10,5%) trên mức tiền lương của người lao động cộng thêm phần lãi suất truy đóng theo quy định hiện hành.*"

Kèm theo Công văn là bảng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của V với mức đóng là 4.930.000 đồng phù hợp với mức lương theo Phụ lục Hợp đồng lao động đề ngày 01/01/2018 giữa Công ty VK và ông V.

Vì vậy, buộc Công ty VK phải nộp tại Bảo hiểm xã hội thị xã TU số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông V kể từ ngày 13/5/2018 đến ngày 04/6/2019 với số tiền là: (21,5% x 4.930.000 đồng) x 12 tháng 22 ngày = 13.497.000 đồng.

[2.4] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải bồi thường cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 32, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 42, 47, 123, 126 và 186 của Bộ luật Lao động;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V về việc buộc Công ty VK phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp kể từ ngày 13/5/2018 đến ngày 04/6/2019 với số tiền 13.797.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V đối với bị đơn Công ty VK về việc: "Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải".

2.1 Buộc Công ty VK hủy Quyết định sa thải cho thôi việc số 01/QĐNV ngày 10/5/2018 đối với ông V.

2.2 Buộc Công ty VK phải bồi thường cho ông V tổng số tiền là: 82.495.000 đồng (*Tám mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) bao gồm các khoản như sau:

- Tiền lương và phụ cấp lương trong những ngày ông V không được làm việc, tính từ ngày 13/5/2018 đến ngày 04/6/2019 với số tiền là: 62.775.000 đồng.

- 02 (Hai) tháng tiền lương và phụ cấp lương do sa thải trái pháp luật với số tiền là: 9.860.000 đồng;

- 02 (Hai) tháng tiền lương do không nhận ông V trở lại làm việc với số tiền 9.860.000 đồng.

2.3 Buộc Công ty VK phải nộp tại Bảo hiểm xã hội thị xã TU, tỉnh Bình Dương số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông V kể từ ngày

13/5/2018 đến ngày 04/6/2019 với số tiền là: 13.497.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

3.1 Ông V được miễn toàn bộ án phí lao động.

3.2 Công ty VK phải chịu 2.475.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đào Văn Hưng